

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày: 24/8/2022

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

2. Ông Lưu Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2022/TLST-DS ngày 25/4/2022, “Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 03/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tú A, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lương Ngọc P, sinh năm 1985; địa chỉ: x Hoàng Hoa Thám, Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền ngày 01/7/2022). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Văn Tiến T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lương Ngọc P trình bày: Do có mối quan hệ hàng xóm với nhau nên vào ngày 03/02/2008 âm lịch, ông Văn Tiến T có mượn của bà Lê Thị Tú A số tiền là 40.000.000đồng. Khi

mượn tiền, ông T có viết giấy mượn tiền và ký xác nhận số tiền nợ 40.000.000đồng. Sau đó, ông T có trả cho bà A được 05 lần, mỗi lần 1.000.000đồng, tổng cộng là 5.000.000đồng, còn nợ 35.000.000đồng. Bà A đã nhiều lần yêu cầu ông T phải trả số tiền còn nợ, nhưng cho đến nay ông T vẫn không chịu trả nợ. Vì vậy, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Văn Tiến T phải trả số tiền gốc còn nợ là 35.000.000đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử là 04 tháng 05 ngày x 0,8%/tháng với số tiền là 1.166.600đồng, tổng cộng là 36.166.600đồng. Ngoài ra, bà A không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn ông Văn Tiến T trình bày: Trước đây, ông T có vay bà Lê Thị Tú A số tiền 40.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng, Giấy mượn tiền ngày 03/02/2008 âm lịch mà bà A đã cung cấp cho Tòa án do ông T viết và ký xác nhận nợ. Trong thời gian vay tiền, ông T đã nhiều lần trả tiền cho bà A nhưng số tiền đã trả cụ thể bao nhiêu thì ông không nhớ cụ thể, đến nay ông đã trả nợ xong và không còn nợ tiền bà A. Vì vậy, ông T không đồng ý trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà A.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông T cho rằng đã trả đủ số tiền 40.000.000đồng đã vay bà A là không có căn cứ. Bà A khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền đã vay theo chứng cứ là “Giấy mượn tiền” do ông T ký xác nhận là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Văn Tiến T phải trả cho bà Lê Thị Tú A tổng số tiền gốc còn nợ là 35.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Tú A khởi kiện đối với bị đơn ông Văn Tiến T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu ông T phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tú A, cùng với việc cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/02/2008 âm lịch (ngày 10/3/2008 dương lịch), ông Văn Tiến T có vay của bà Lê Thị Tú A số tiền 40.000.000đồng. Ông T thừa nhận số tiền và chữ ký trong “Giấy mượn tiền” là đúng do ông viết và ký xác nhận. Bà A thừa nhận ông T đã trả được tổng số tiền

là 5.000.000đồng, còn nợ số tiền 35.000.000đồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông Văn Tiến T có vay bà Lê Thị Tú A số tiền 40.000.000đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/02/2008 âm lịch (ngày 10/3/2008 dương lịch). Ông T chỉ trả được số tiền 5.000.000đồng nên bà A yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 35.000.000đồng là có căn cứ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T cho rằng đã trả hết số tiền gốc và không còn nợ bà A. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận ý kiến của ông T, chỉ thừa nhận ông T trả được tổng số tiền 5.000.000đồng, còn nợ lại 35.000.000đồng. Ngoài ra, ông T cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Theo giấy mượn tiền ngày 03/02/2008 âm lịch (ngày 10/3/2008 dương lịch), các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất cụ thể, nên đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông T phải trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử là 04 tháng 05 ngày, lãi suất 0,8%/tháng x 35.000.000đồng = 1.166.600đồng là đúng quy định tại các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Từ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự và những nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Văn Tiến T phải trả cho bà Lê Thị Tú A số tiền 36.166.600đồng (trong đó tiền gốc là 35.000.000đồng, tiền lãi là 1.166.600đồng) là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, ông Văn Tiến T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: 36.166.600đồng x 5% = 1.808.000đồng. Bà Lê Thị Tú A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tú A.

- Buộc ông Văn Tiến T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tú A số tiền 36.166.600đồng (*Ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Văn Tiến T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.808.000đồng. Bà Lê Thị Tú A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lê Thị Tú A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 917.000đồng theo biên lai thu tiền số 0011751 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/8/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông